

Cái duyên của Bình-nguyên Lộc

Hoàng Văn Bình

Trong các nhà văn miền Nam, một người kỳ cựu và có nhiều đặc điểm đáng cho các nhà phê bình nói đến là Bình-nguyên Lộc. Bước vào làng văn gần hai mươi năm nay, ông đã tự tạo cho mình một địa vị vững vàng trong địa hạt tiểu thuyết không những bằng số lượng tác phẩm lớn lao đã xuất bản, mà còn vì một cái duyên riêng mà ai đã một lần biết qua không thể nào quên được. Cái duyên đó được tạo nên từ cả hai cái sở đoản và sở trường của ông, và ngày nay dù có người không thấy thích hợp cũng phải hiểu rằng chính nó đã thể hiện tài năng và cá tính của Bình-nguyên Lộc.

Trước hết ông là một người giản dị. Giản dị trong cốt truyện, trong tâm lý nhân vật và cả trong hình thức văn chương nữa. Ông không bao giờ nói đến những mộng ước xa vời hay những tư tưởng lớn mà chỉ bàn đến những chuyện rất thường: tình yêu, sự ghen tuông, dối trá, cái chết, niềm hy vọng ... Những nhân vật của ông cũng chỉ là người như bao nhiêu con người khác sống ngoài đời, không có gì đặc biệt. Ta có thể gặp bất kỳ ở đâu đó một người tương tự như anh Xòn, ông Phán Ca, cô Hai Thiều, cô xâm, anh các chú ... Cốt truyện đã không ly kỳ mà văn chương cũng chẳng bay bướm. Những ai mong gặp được nơi ông những câu trạm chỗ hoa mỹ sẽ thất vọng ngay sau khi xem xong vài hàng đầu tiên. Trong suốt hơn 300 trang của quyển Đò Dọc câu văn hoa nhất và cũng độc nhất là câu sau đây:

„Lâu đài ký ức là một lâu đài kiên cố nhất không thời gian hay mưa nắng nào tàn phá nổi. Mà nó lại xinh đẹp làm sao, càng cũ càng đẹp ra, qua lớp bụi thời gian cái gì cũng hiện lên với muôn màu rực rỡ“ (Đ.D. trang 53)

Đó, cái lối văn hoa của ông chỉ ít ỏi như vậy thôi. Câu văn mới lẻ loi làm sao, chẳng khác gì một đóa hoa hồng nằm lạc loài giữa một vùng toàn là hoa mắc cở. Cho đến cả âm điệu của câu văn cũng không được đếm xỉa đến. Ông có lối đặt câu cụt ngủn làm người đọc bỡ ngỡ hết sức : *„Sanh rất khổ, bà Nam Thành bằng lòng hết sức. Trông ngộ quá, Chi bỗng hiểu, vui lắm!“* . Đôi khi có câu dài hơn mà người đọc cũng gặp phải cảm tưởng đó : *„Các cô bỏ hai món lên cân, rồi thì cái món „anh chồng“ thấy nhẹ hều như tim bấc“* , *„chim đang bay lượn bỗng đứng khựng lại khiến thằng Lộc thích chí hết sức“* . Trong câu, hai chữ *„đứng khựng“* hiện ra thật lạ lùng, hai chữ *„thích chí“* cũng đột ngột không kém khiến người đọc thấy như bị tức nghẹn giữa ngực. Tác giả lại hay dùng vài chữ đặc biệt khiến ai tinh ý sẽ nhận diện được ngay. Chẳng hạn như hai chữ *„hay không“* thường được dùng liền nhau (*„Có muốn tiền hay không“* . Hay *„có chuyện gì lạ hay không“* *„Liệu bác sĩ nhớ lời hay không ?“*) và chữ *„nầy“* của ông cũng có một vẻ bệ vệ chậm rãi đặc biệt (...cảnh khô hạn ở xóm thuốc *„nầy“* , tình cảm oái oăm của thằng bạn rui ro *„nầy“* ... Ai cũng buồn cười cho hoàn cảnh rẻ ngược đời *„nầy“* ...) Văn chương của ông không chau chuốt được có lẽ vì ông thực tế quá. Ở nơi ông, thời gian và không gian luôn luôn gắn liền vào nhau, ông không thể tách rời chúng ra để thần trí vút lên cao mà tưởng tượng đến những điều không có thật.

Cũng chính vì óc thực tế quá đáng đó mà ông đã chỉ để ý đến cốt truyện mà không ngó ngang gì đến tâm lý nhân vật. Trong cuốn *Đò Dọc*, trừ ông Nam Thành ra còn có đôi chút khởi sắc, bốn cô gái, cô nào cũng sần sần như nhau, không cô nào có cá tính nổi bật hẳn lên – Tâm lý ông Nam Thành được linh hoạt phải chăng vì ông là người đàn ông độc nhất trong gia đình hay vì ông có nhiều điểm tương đồng với tác giả - Ông luôn luôn nói thế cho nhân vật và tệ hơn nữa, cho nhân vật nói những điều không thể nói được. Chẳng hạn người đọc không thể hiểu tại sao một cô gái như cô Hương - một người chắc chắn đã bỏ học từ lâu và hiện đang có nghề y tá - lại có thể có được những ý nghĩ vô cùng thông thái như sau:

„Chị có vào ở vài ngày trong một làng dựa sông Đông Nai trên Biên Hòa, cảnh đẹp hơn dưới mình, người rất văn vật, và lòng người, chí người rất Việt Nam chớ không phải là tao loạn tâm hồn Cao Miên, Ớn Đột, Trung Hoa như ở vài làng dưới ta là cái ngả ba văn hóa Hoa- Ớn“ (Đ.D. trang 65).

Câu văn nghe lạ hoắc, đây những từ ngữ chuyên môn và trừu tượng. Đó không phải là ý kiến của một cô y tá nhà quê mà chính là nhận xét của một nhà khảo cứu đã được hóa trang. Nhưng cũng may, cái lỗi này chỉ xảy ra có một lần trầm trọng như vậy thôi.

Nhưng nếu Bình-nguyên Lộc chỉ có những đặc điểm như trên đây thì người đọc đã bỏ rơi ông từ lâu rồi. Sở dĩ đến nay ông còn được họ quyển luyện chỉ vì ông đã đem đến cho họ những điều mới lạ đáng mong ước.

Đã giản dị và thực tế, ông cũng là người rất tự nhiên. Việc viết văn đối với ông thật là dễ dàng, y như người ta nói chuyện. Mà đúng là ông đang nói chuyện thật, xem chuyện của ông, ta cứ có cảm tưởng là ông đang hiện diện đâu đó để nói năng đưa cọt với ta. Văn ông chẳng khác gì văn nói, trong đó đầy dẫy những từ ngữ thông dụng như „cái mới kỳ, cái mới khó hiểu, nịnh đầm số dách, có cái gì lạ nè, thiệt là hết hy vọng, có hay thì thôi ...“. Ông đã xem người đọc như bạn để được tự do đàm đạo với họ về mọi chuyện và vì vậy giữa người đọc và tác giả không có một khoảng trống nào ngăn cách, khi đã gần nhau thì hiểu nhau và mến nhau là chuyện dễ dàng.

Không hay mơ mộng nên ông cũng chẳng để cho ngòi bút của mình chạy lan man bao giờ, một khi viết ra là đã có cái gì để nói. Nhưng vì cả nội dung lẫn hình thức đều không có gì đặc sắc nên ông chỉ còn cách sắp xếp các chi tiết thế nào cho chặt chẽ và giải quyết câu chuyện thế nào cho khéo léo để lôi cuốn người đọc. Chính vì thế, đọc văn ông chẳng khác gì chuyện trình thám, chuyện không có một chỗ thừa và đoạn kết luôn luôn hứa hẹn nhiều bất ngờ thú vị. Trong truyện *Bao BỐ Nhìn Mặt*, mọi người đều tưởng cô Bánh có bầu với anh thầy chích Mạnh, không ngờ tác giả cái bầu ấy lại là Thìn, người anh họ đẹp trai của cô. Trong *Thí Một Con Chốt*, nào ai đoán được cái ông Tư Khâm hào hiệp kia về sau lại là một tên phản bạn, còn cô gái xinh xắn, kêu ông bằng ba ngọt sót đó cũng chỉ là một đứa bịp hợm, đã toa rập với ông Tư Khâm để lật đổ phần cơm của người khác. Sang đến các truyện *Cô Hời Bán Thuốc* và *Đầu Gà Đít Vịt* thì yếu tố bất ngờ lại càng nổi bật hơn nữa vì cô Hời và cô Xẩm lai này cuối cùng đều là người Việt trăm phần trăm. Sự bất ngờ luôn luôn kêu gọi trí tò mò của người ta nên một khi đã cầm đến quyển truyện của Bình-nguyên

Lộc là phải đọc cho bằng hết, không làm sao rút ra nữa. Truyện mà còn nhớ thì tác giả quên làm sao được.

Người đọc còn nhớ đến Bình-nguyên Lộc vì cái lối khôi hài duyên dáng của ông. Cũng như những con người thực tế khác, có lẽ ông chẳng mấy khi buồn và lúc nào cũng sẵn sàng chọc cười thiên hạ. Nếu vạn nhất phải đụng chạm đến chuyện gì có vẻ bi đát thì ông cũng chỉ nói phớt qua, coi đó là một điều tự nhiên không sao tránh được. Cho nên ta thấy phần đông các nhân vật của ông cười với nhau luôn, hết cười hóm hình, cười xòa, cười rộ, cười ngất đến cười ha hả, cười ngã nghiêng ngã ngửa, cười lộn ruột lộn gan ... Nhân vật cười nhiều như vậy thì người đọc cũng cười theo vì làm sao không cười được khi thấy ông Nam Thành đã lớn tuổi mà còn vui tính, đi dọn nhà mà không chịu chỉ rõ căn nhà nào lại cho xe chạy lố một khúc để vợ con đoán chơi. Lũ con của ông cũng hay đùa nghịch một cách vô tội, cô Quà đã có lần hát bài Hòn Vọng Phu theo tiếng kêu của con ếch ương:

- *„Uênh oang, uênh oang, uính uênh oàng ...“*

Ta cũng tức cười với lối nói năng dị hợm của cậu Công Tử Quòn:

- *„Tôi có tặc tức một bầy gà Hoa Kỳ có tương lai quá khứ“.*

Nhưng có lẽ buồn cười nhiều nhất vì lối so sánh độc đáo của tác giả. Những ý nghĩ của ông mới ngộ nghĩnh làm sao, chẳng hạn như ông bà Hương đập con *„như người đập nệm ngoài nắng“*, *„ông cụ sẽ là mỗ vàng không bao giờ cạn“*, *„họ tò mò như nhà mình là một cái thúng đựng con gì trong đó“*, *„chợt có một gia đình kéo nhau đi qua dài lê thê như một đêm cần rần của bà vợ vừa ghen xong một trận ban ngày“* ...Lời so sánh thực là đúng thực tế mà vì đúng quá, sát quá, đến cái độ trắng trợn nên ta mới thấy tức cười. Bình-nguyên Lộc quả đã giúp cho bao nhiêu người bi quan yêu đời lại vì ngay cả lúc đáng chán nhất, ông cũng cố khôi hài cho bằng được.

Nhưng Bình-nguyên Lộc, nếu xét đến tận cùng các tác phẩm của ông, ta phải nói rằng chính nghệ thuật phân tích tâm lý tinh vi mới xứng đáng tiêu biểu cho tài nghệ của tác giả. Ông không sành diễn tả tâm lý nhưng lại giỏi phân tích. Quả vậy, dưới ngòi bút hóm hình của ông, những tình cảm sâu kín nhất trong lòng người đều bị phơi trần ra với một vẻ khôi hài hết sức. Đây là tâm trạng của một anh chồng đang ao ước có vợ bé (vì bị cảnh âu yếm của mấy nhà giàu có vợ bé chung quanh kích thích):

„Chưa có vợ bé mà Khánh đã gầy sút đi vì mất ngủ. Mất ngủ vì lo toan phương tiện tài chánh mà cũng vì bận rình mọi việc xảy ra ở các nhà vợ bé.“

Chín giờ, chàng lẳng đợi chiếc “xi-bo” hai chỗ ngồi của cái ông mặc áo con chim con cò. Chàng tưởng tượng cô Ma-rí đang uyển chuyển bước ra mở cửa, rồi nhảy ra sân bá lấy cổ lão cao-bồi già.

Mười một giờ, chàng bần khoản sao lão thâu khoán chồng cô Ma-Lên lại không về như mọi bữa khác.

Thế này thì đến chết thôi trời ơi !

Mỗi ngày đi làm bốn buổi, Khánh đều ghé qua cô hàng thuốc lẻ ở đầu đường V. vì ở đó có đèn đỏ, không ngừng cũng không được. Mà ngừng một lần thì nó bắt ngừng hoài vì cô bán thuốc mặt rở hoa mà trông có duyên ớn." (Ngõ Hẻm Vợ Bé).

Còn đây là sự bực dọc của một cậu học trò đang yêu mà bị ngăn trở:

„Bà cụ này quả là tay góm lăm chớ không vừa đâu: Bà ta rào con, mà không rào bằng vách tường, sợ Sanh nó nản chí rồi bỏ đi, mà chỉ rào bằng song ly sắt thôi. Thành ra:

*“Thấy em như thấy mặt trời,
Thấy thời thấy vậy, trao lời khó trao.”*

Người yêu đã vậy, đến cha mẹ càng đáng chán hơn nữa:

„Sanh viết thơ về mấy lần, tỏ thiệt nỗi khổ của mình cho cha mẹ nghe, yêu cầu ông bà lên coi mắt Chi cho cậu. Nhưng ông bà cứ giả câm giả điếc, không thèm đáp thơ, chỉ gọi tiền thôi, mà gọi vừa đủ tiền cơm và xe pháo“.

Cho nên cậu ta đau khổ mà kết luận :

„Thiệt là hết hy vọng. O con Chi không được, mà quyết cưới nó cũng chẳng xong“ (Bồn Cũ Soạn Lại)

Lối phân tích như thế ta thấy rải rác khắp nơi trong tác phẩm của ông. Dường như cặp mắt tinh quái của tác giả soi mói khắp nơi trong tâm hồn người ta, không chừa một hang hốc nào cả.

Mỗi khi đọc Bình-nguyên Lộc tôi lại liên tưởng đến Tô Hoài, một nhà văn tiền chiến người Bắc. Tô Hoài cũng có lối hành văn duyên dáng như Bình-nguyên Lộc nhưng tất nhiên tính chất cũng như nghệ thuật của hai người khác hẳn nhau. Tô Hoài dí dỏm hơn nhưng truyện có vẻ buồn lại thiên về tuổi trẻ còn Bình-nguyên Lộc thì dễ dãi, truyện lúc nào cũng vui và thích hợp với đủ hạng người. Tôi mến hết cả hai vì nhờ họ mà tôi hiểu rõ hơn tâm hồn con người của hai vùng khác nhau của đất nước để yêu mến đồng bào của tôi nhiều hơn. Cái duyên của con người là một vật quý, nó giúp ta trẻ mãi không già. Trong văn chương, cái duyên lại càng cần hơn nữa. Và tôi buồn biết bao nhiêu khi không may đọc phải những giòng chữ vô hồn, trang sức một cách trơ trẽn mà không chứa đựng một chút gì.

Mấy năm gần đây Bình-nguyên Lộc hầu như đã từ bỏ địa hạt tiểu thuyết để bước sang lãnh vực khảo cứu. Nhưng vì cốt tính của ông vẫn là cốt tính của nhà văn và đức tính thực tế nơi ông mới chỉ là điều kiện cần chứ chưa phải là một điều kiện đủ để giúp ông thành công trong lãnh vực mới. Và người đọc, dù không nói ra, vẫn lấy làm tiếc khi thấy một tác giả thân yêu của mình đã có vẻ mệt mỏi trong ngành sáng tác.

Thời Tập, số 12, 1974